

TRƯỜNG THCS LIÊN TRUNG
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1 TOÁN 6
NĂM HỌC 2023 – 2024

I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Kết quả của phép tính $5^7 \cdot 18 - 5^7 \cdot 13$ bằng:

- A.** 5. **B.** 5^8 . **C.** 5^7 . **D.** 5^6 .

Câu 2: Biết $[(x-3)^2 + 7] \cdot 2 = 14$. Vậy giá trị của x là:

- A.** $x=0$. **B.** $x=3$. **C.** $x=7$. **D.** $x=3$ và $x=7$.

Câu 3: Cho số $M = \overline{16*0}$ chữ số thích hợp để M chia hết 3, 5, 7 là:

- A.** 2. **B.** 8. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 4: Nếu $M = 12a + 14b$ thì:

- A.** $M : 4$. **B.** $M : 2$. **C.** $M : 12$ **D.** $M : 14$.

Câu 5: Nếu $a : m$ và $b : m$ và $m \in N^*$ thì:

A. m là bội chung của a và b .

B. m là ước chung của a và b .

C. $m = UCLN(a; b)$.

D. $m = BCNN(a; b)$.

Câu 6: m là số tự nhiên nhỏ nhất khác 0 mà m đều chia hết cho cả a và b thì:

A. $m \in BC(a; b)$. **B.** $m \in UC(a; b)$.

C. $m = UCLN(a; b)$. **D.** $m = BCNN(a; b)$.

Câu 7: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử đều là số nguyên tố?

- A.** $\{1; 3; 5; 7; 11\}$. **B.** $\{3; 5; 7; 11; 29\}$. **C.** $\{3; 5; 7; 11; 111\}$. **D.** $\{0; 3; 5; 7; 13\}$.

Câu 8: Tìm ước chung của 9 và 15

- A.** $\{1; 3\}$. **B.** $\{0; 3\}$. **C.** $\{1; 5\}$. **D.** $\{1; 3; 9\}$.

Câu 9: Tìm ƯCLN(16; 32; 112)?

- A.** 4. **B.** 8. **C.** 16. **D.** 32.

Câu 10: Trong hai số sau, hai số nào là hai số nguyên tố cùng nhau?

- A.** 2 và 6. **B.** 3 và 10. **C.** 6 và 9. **D.** 15 và 33.

Câu 11: BCNN (40;28;140) là:

- A.** 140. **B.** 280. **C.** 420. **D.** 560.

Câu 12: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A.** BCNN của a và b là số nhỏ nhất trong tập hợp bội chung của a và b .
B. $\text{BCNN}(a,b,1) = \text{BCNN}(a,b)$.
C. Nếu $m \vdots n$ thì $\text{BCNN}(m;n) = n$.
D. Nếu $\text{ƯCLN}(x;y) = 1$ thì $\text{BCNN}(x;y) = 1$.

Câu 13: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử được xếp theo thứ tự tăng dần:

- A.** $\{2; -17; 5; 1; -2; 0\}$. **B.** $\{-2; -17; 0; 1; 2; 5\}$.
C. $\{-17; -2; 0; 1; 2; 5\}$. **D.** $\{0; 1; 2; 5; -17\}$.

Câu 14: Tập hợp các số nguyên kí hiệu là

- A.** $\mathbb{Z}$. **B.** $\mathbb{Z}^*$. **C.** $\mathbb{N}$. **D.** $\mathbb{N}^*$.

Câu 15: Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-10 < x \leq 13$ là:

- A.** 33. **B.** 47. **C.** 2^3 . **D.** 46.

Câu 16: Khi bỏ dấu ngoặc trong biểu thức: $2009 - (5 - 9 + 2008)$ ta được:

- A.** $2009 + 5 - 9 - 2008$. **B.** $2009 - 5 - 9 + 2008$.
C. $2009 - 5 + 9 - 2008$. **D.** $2009 - 5 + 9 + 2008$.

Câu 17: Tính: $(-52) + 70$ kết quả là:

- A.** (-18) . **B.** 18. **C.** (-122) . **D.** 122.

Câu 18: Tính: $(-8) \cdot (-25)$ kết quả là

- A.** 200. **B.** (-200) . **C.** (-33) . **D.** 33.

Câu 19: Trong tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ tất cả các ước của 5 là:

- A.** 1 và -1 . **B.** 5 và -5 . **C.** 1 và 5. **D.** 1; -1 ; 5; -5 .

Câu 20: Số đối của (-18) là:

- A.** 81. **B.** 18. **C.** (-18) . **D.** (-81) .

Câu 21: Tập hợp các số nguyên gồm

- A.** các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.
B. số 0 và các số nguyên âm.
C. các số nguyên âm và các số nguyên dương.

D. số 0 và các số nguyên dương.

Câu 22: Sắp xếp các số nguyên: $2; -17; 5; 1; -2; 0$ theo thứ tự giảm dần là:

A. $5; 2; 1; 0; -2; -17$.

B. $-17; -2; 0; 1; 2; 5$.

C. $-17; 5; 2; -2; 1; 0$.

D. $0; 1; -2; 2; 5; -17$.

Câu 23: Cho a, b là hai số nguyên âm, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $a \cdot b > 0$.

B. $a \cdot b < 0$.

C. $a + b > 0$.

D. $a + b \in \mathbb{N}$.

Câu 24: Kết luận nào sau đây là đúng?

A. $a - (b - c) = a + b + c$.

B. $a - (b - c) = a - b - c$.

C. $a - (b - c) = -a - b - c$.

D. $a - (b - c) = a - b + c$.

Câu 25: Nếu $x \cdot y > 0$ thì

A. x, y cùng dấu.

B. $x > y$.

C. x, y khác dấu.

D. $x < y$.

Câu 26: Trong các phát biểu sau đây phát biểu nào đúng?

A. Tổng của hai số nguyên cùng dấu là một số nguyên âm.

B. Tổng của hai số nguyên âm làm một số nguyên âm.

C. Tổng của hai số nguyên cùng dấu là một số nguyên dương.

D. Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên âm.

Câu 27: Giá trị của $(-3)^3$ là:

A. -27 .

B. 27 .

C. -9 .

D. 9 .

Câu 28: Tổng của hai số nguyên âm là:

A. 1 .

B. 0 .

C. 1 số nguyên âm. **D.** 1 số nguyên dương.

Câu 29: Số đối của $-(-a)$ là

A. $-a$.

B. a .

C. 0 .

D. Kết quả khác.

Câu 30: Cho $-5 - x = -11$ thì x bằng:

A. 6 .

B. -6 .

C. 16 .

D. -16 .

Câu 31: Tìm x , biết: $12: x$ và $x < -2$

A. $\{-1\}$.

B. $\{-2; -1\}$.

C. $\{-3; -4; -6; -12\}$.

D. $\{-2; -1; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$.

Câu 32: Giá trị nào dưới đây của x thỏa mãn $-6(x+7)=96$?

- A.** $x=95$. **B.** $x=-16$. **C.** $x=96$. **D.** $x=-23$.

Câu 33: Tính nhanh $171+[(−53)+96+(−171)]$.

- A.** -149 . **B.** 43 . **C.** 149 . **D.** -43 .

Câu 34: Ông Ác si mét sinh năm -287 và mất năm -212 . Ông ta có tuổi thọ là:

- A.** 75 . **B.** -75 . **C.** -74 . **D.** 74 .

Câu 35: Giá trị của biểu thức $-15-17+12-(12-15)$ bằng

- A.** -12 . **B.** -15 . **C.** -17 . **D.** -18 .

Câu 36: Hình vuông có cạnh 5cm thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

- A.** 20cm và 25cm . **B.** 20cm và 25cm^2 .
C. 25cm^2 và 20cm . **D.** 20cm và 10cm^2 .

Câu 37: Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10cm và 15cm thì diện tích của nó là:

- A.** 300cm^2 . **B.** 150cm^2 . **C.** 75cm^2 . **D.** 25cm^2 .

Câu 38: Hình bình hành có diện tích 50cm^2 và một cạnh bằng 10cm thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là:

- A.** 5cm . **B.** 10cm . **C.** 25cm . **D.** 50cm .

Câu 39: Hình thang có diện tích 50cm^2 và có độ dài đường cao là 5cm thì tổng hai cạnh đáy của hình thang đó bằng?

- A.** 5cm . **B.** 10cm . **C.** 15cm . **D.** 20cm .

Câu 40: Diện tích hình chữ nhật $ABCD$ có $AB=4\text{cm}$, $AD=5\text{cm}$ là

- A.** 10cm^2 . **B.** 40cm^2 . **C.** 9cm^2 . **D.** 20cm^2 .

Câu 41: Diện tích của một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 25m , chiều dài bằng $\frac{7}{5}$ chiều rộng là

- A.** $437,5\text{m}^2$. **B.** 750m^2 . **C.** 875m^2 . **D.** 650m^2 .

Câu 42: Hình nào sau đây không có tâm đối xứng

- A.** Hình vuông. **B.** Hình chữ nhật. **C.** Hình bình hành. **D.** Hình tam giác đều.

Câu 43: Cho các chữ sau đây, những chữ cái có tâm đối xứng là:

H K M N X

A. H, N.

B. H, M, X.

C. H, N, X.

D. N, X.

Câu 44: Đoạn thẳng AB có độ dài 4cm. Gọi O là tâm đối xứng của đoạn thẳng AB . Tính độ dài đoạn OA

A. 2cm.

B. 4cm.

C. 6cm.

D. 8cm.

Câu 45: Chọn câu sai.

A. Chữ H là hình vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng.

B. Chữ N là hình có tâm đối xứng và không có trục đối xứng.

C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.

D. Chữ I là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

A. SỐ HỌC

Dạng 1. Thực hiện phép tính:

Bài 1: Thực hiện các phép tính sau (tính hợp lí nếu có thể)

a) $18.7 + 65:13$

b) $785 - (323 + 148):3 + 2784$

c) $703 - 140:(42 + 28) - 17^6 \cdot 17^9 : 17^{13}$

d) $135 \cdot 3^2 - 3^2 \cdot 130$

e) $(2^3 \cdot 9^4 + 9^3 \cdot 45):(9^2 \cdot 10 - 9^2)$

f) $(20.2^4 + 12.2^4 - 48.2^2):8^2$

Bài 2: Thực hiện các phép tính sau:

a) $1024:2^5 + 140:(38 + 2^5) - 7^{23}:7^{21}$

b) $36.55 - 185.11 + 121.5$

c) $98.42 - 50[(18 - 2^3):2 + 3^2]$

d) $407 - [(190 - 170):4 + 9]:2$

e) $(23.36 - 17.36):36$

f) $3.5^2 - 27:3^2 + 5^2 \cdot 4 - 18:3^2$

Bài 3: Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý:

a) $[461 + (-78) + 40] + (-461)$

b) $[53 + (-76)] - [-76 - (-53)]$

c) $-564 + [(-724) + 564 + 224]$

d) $-87 + (-12) - (-487) + 512$

e) $942 - 2567 + 2563 - 1942$

f) $17 + (-20) + 23 + (-26) + \dots + 53 + (-56)$

g) $1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$

h) $-2005 + (-21 + 75 + 2005)$

Dạng 2: Tìm x

Bài 4: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, sao cho:

a) $(x-1)^2 = 1$

b) $7^{2x-6} = 49$

c) $(2x-16)^7 = 128$

d) $565 - 13 \cdot x = 370$

e) $105 - (135 - 7x):9 = 97$

f) $275 - (113 + x) + 63 = 158$

g) $[3 \cdot (x+2):7] \cdot 4 = 120$

h) $x(x-1) = 0$

i) $(x+2)(x-4) = 0$

$$k) (x-140):7=3^3-2^3:3 \quad 1) x^3 \cdot x^2=2^8:2^3 \quad m) 3^{x-3}-3^2=2.3^2.$$

Bài 5: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, sao cho:

a) $x : 15; x : 20$ và $50 < x < 70$

b) $30 : x, 45 : x$ và $x > 10$

a) $x : 45; x : 20$ và x là số tự nhiên nhỏ nhất khác 0

b) $30 : x, 45 : x$ và x là số lớn nhất.

c) $9 : (x + 2)$

Bài 6: Tìm $x \in \mathbb{Z}$, biết:

a) $3 - (17 - x) = 289 - (36 + 289)$

b) $25 + (x - 5) = -415 - (15 - 415)$

c) $(-x) + (-62) + (-46) = -14$

d) $484 + x = -632 + (-548)$

e) $17 - \{-x + [-x - (-x)]\} = -16$

f) $x - \{-x + (x + 3)\} - [(x + 3) - (x - 2)] = 0$

Dạng 3: Bài toán thực tế

Bài 7: Người ta muốn chia 374 quyển vở, 68 cái thước và 340 nhãn vở thành một số phần thưởng như nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất là bao nhiêu phần thưởng. Trong đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, thước và nhãn vở.

Bài 8: Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Con hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.

Bài 9: Để phòng chống dịch Covid - 19. TP Hồ Chí Minh đã thành lập các đội phản ứng nhanh bao gồm 16 bác sĩ hồi sức cấp cứu, 24 bác sĩ đa khoa và 40 điều dưỡng viên. Hỏi có thể thành lập nhiều nhất bao nhiêu đội phản ứng nhanh, trong đó các bác sĩ và điều dưỡng viên chia đều vào mỗi đội.

Bài 10: Ba khối 6, 7 và 8 lần lượt có 300 học sinh, 276 học sinh và 252 học sinh xếp thành các hàng dọc để diễu hành sao cho số hàng dọc của mỗi khối là như nhau. Có thể xếp nhiều nhất thành mấy hàng dọc để mỗi khối đều không có ai lẻ hàng? Khi đó ở mỗi hàng dọc của mỗi khối có bao nhiêu học sinh?

Bài 11: Hai bạn An và Bách cùng học một trường nhưng ở hai lớp khác nhau. An cứ 10 ngày lại trực nhật 1 lần. Bách cứ 12 ngày lại trực nhật 1 lần. Lần đầu cả 2 người cùng trực nhật vào 1 ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì 2 bạn lại cùng trực nhật? Lúc đó mỗi bạn đã trực nhật được mấy lần?

Bài 12: Lịch cập cảng của ba con tàu như sau: tàu thứ nhất cứ 10 ngày cập cảng một lần; tàu thứ hai cứ 12 ngày cập cảng một lần; tàu thứ ba cứ 15 ngày cập cảng một lần. Vào ngày 18 tháng 12 năm 2023, ba tàu cùng cập cảng. Sau ít nhất bao nhiêu ngày nữa thì ba con tàu lại cùng cập cảng?

Câu 13: Chị Hòa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 bông, 5 bông hay 7 bông thì đều vừa đủ. Hỏi chị Hòa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hòa có khoảng từ 200 đến 300 bông.

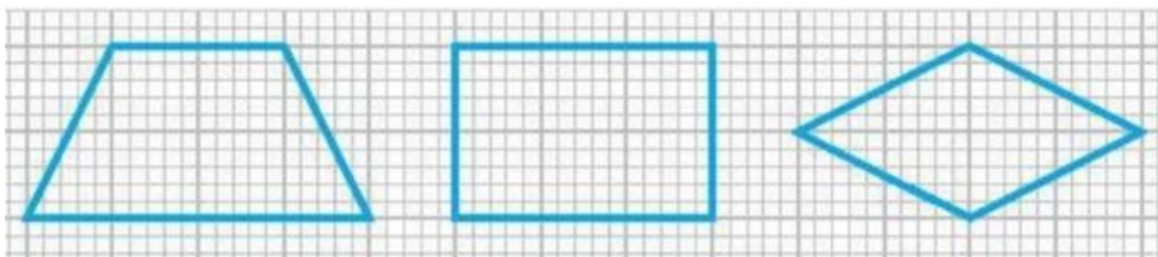
Bài 14: Cho các số 12, 18, 27.

- Tìm số lớn nhất có 3 chữ số chia hết cho các số đó.
- Tìm số nhỏ nhất có 4 chữ số chia cho mỗi số đó đều dư 1.
- Tìm số nhỏ nhất có 4 chữ số chia cho 12 dư 10, chia cho 18, dư 16, chia cho 27 dư 25.

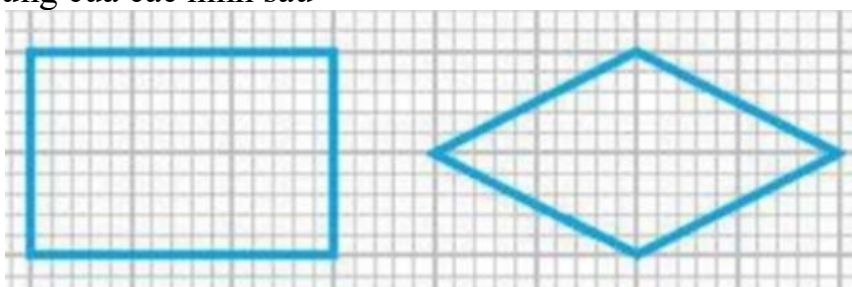
Bài 15: Tìm số tự nhiên nhỏ nhất sao cho chia nó cho 17 thì dư 5, chia nó cho 19 thì dư 12.

B. HÌNH HỌC

Câu 1: Hãy vẽ tất cả các trục đối xứng của các hình sau



Câu 2: Hãy vẽ tâm đối xứng của các hình sau

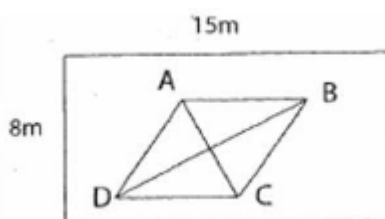


Bài 3: Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8cm.
 - Hình vuông có cạnh 6cm.
 - Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10cm, chiều cao 4cm, cạnh bên 5cm
 - Hình thoi có cạnh 5cm, độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm.
- Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm, chiều cao 8cm.

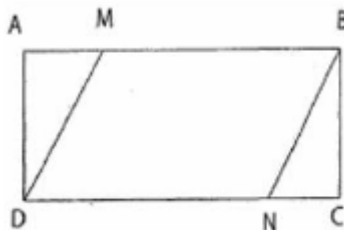
Bài 4: Một hình chữ nhật có chiều dài là 16m và chiều rộng là 10m. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.

Bài 5: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 8m. Người ta trồng một vườn hoa hình thoi ở trong mảnh đất đó, biết diện tích phần còn lại là $75m^2$. Tính độ dài đường chéo AC, biết $BD = 9m$.



Bài 6: Hình chữ nhật $ABCD$ có $AB = 15\text{cm}$, $BC = 7\text{cm}$. Các điểm M, N trên cạnh AB, CD sao cho

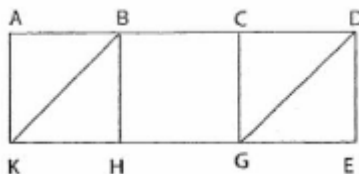
$AM = CN = 4\text{cm}$. Nối DM, BN ta được hình bình hành $MBND$ (như hình vẽ). Tính:



a) Diện tích hình bình hành $MBND$.

b) Tổng diện tích hai tam giác AMD và BCN .

Bài 7: Ba hình vuông bằng nhau ghép thành hình chữ nhật $ADEK$ như hình vẽ. Nối BK, DG ta được hình bình hành $BDGK$ (như hình vẽ). Tính diện tích của hình.



Bài 8: Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 16m , chiều rộng 6m . Người ta dự định lát nền bởi những viên gạch men hình vuông có cạnh 40cm . Hỏi người ta cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát?

-----CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT-----